

Bản án số: 260/2020/HC-PT

Ngày: 19/8/2020

V/v: *Khiếu kiện quyết định thu hồi
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 398/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST, ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5743/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1949.

Trụ sở: Đội 1, thôn K, xã S, huyện V, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là ông Phạm Văn V-Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH T, (có mặt).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Mạnh H-Phó Chủ tịch UBND huyện V, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện V, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, thành phố Hà Nội, (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938;
 3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952;
- Cùng địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt);
4. Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1948, (có mặt);
Địa chỉ: đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.
 5. Bà Nguyễn Thị Nhân, sinh năm 1959, (có mặt);
Địa chỉ: phường Q, thị xã T, thành phố Hà Nội.
 6. Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1987;
 7. Anh Nguyễn Khắc Ch, sinh năm 1985;
 8. Chị Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1991;
 9. Anh Hoàng Hưng, sinh năm 1988;
- Cùng địa chỉ: Đội 11, thôn K, xã S, huyện V, thành phố Hà Nội.
10. Chị Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, thành phố Hà Nội.
 11. Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hà Nội.
- Đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Đức M-Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện V.
(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2016 và trong quá trình tố tụng bà Phạm Thị T trình bày:

Không đồng ý với Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện V, vì: Việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà là phù hợp với quy định của pháp luật, trong quá trình kê khai, đăng ký, quản lý sử dụng đối với thửa đất tại hồ sơ của xã S cho thấy tại tờ bản đồ số 03, thửa đất số 242, diện tích 1.520m² (của bản đồ 299 được đo vẽ ngày 20/11/1985 và sổ dã ngoại của xã năm 1986) ghi đúng tên chồng bà là ông Nguyễn Minh M (chết năm 2004). Tuy ông M là con của ông Nguyễn Danh C (chết năm 1987) và bà Ngô Thị C1 (chết năm 1990) nhưng trong quá trình quản lý, sử dụng đất không có tài liệu nào chứng minh cho thấy ông C, bà C1 có một trong các giấy tờ về đất theo quy định pháp luật đất đai, cũng như không đăng ký kê khai, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất nêu trên. Trong khi đó hộ gia đình bà đã sử dụng, đăng ký kê khai đất và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất hàng năm từ năm 1985. Quá trình quản lý, sử dụng đất cho đến khi được cấp GCNQSD đất ngày 12/11/2003, gia đình bà không có ai khiếu nại, tranh chấp. Ngày 10/10/2016, UBND huyện V ra quyết định thu hồi GCNQSD đất của hộ gia đình nhà bà với lý do thiếu các giấy tờ về thừa kế, tặng cho nhà ở gắn liền với đất của ông C, bà C1 được UBND xã S xác nhận đối với thửa đất trên là không thỏa đáng.

Tại điều 3 của Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 có nội dung thay thế Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện V cho thấy Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 được ban hành khi chưa có quyết định thu hồi và lý do thu hồi đối với quyết định 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 là chưa đúng pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 09/01/2017, bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với quyết định số 1280 ngày 27/7/2020 và Kết luận số 132 ngày 4/7/2016 của UBND huyện V.

Tại bản khai ngày 22/6/2017, đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Diện tích 1.520m² đất tại thôn K, xã S, huyện V của gia đình bà T có nguồn gốc là đất ruộng. Năm 1981, bà T và chồng là ông Nguyễn Minh M kết hôn, không có đất ở nên ra khu đất ruộng này ở theo chính sách giãn dân. Ông M và bà T đã cải tạo đất ruộng này thành đất ở. Bà Ngô Thị C1 là mẹ ông M có ra ở cùng vợ chồng bà T. Trên đất có nhà do ông M bà T và bà C1 xây dựng lên. Trong quá trình ở trên đất từ đó đến khi được cấp GCNQSD đất thì không có tranh chấp với ai, không bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm về đất đai. Ngày 12/11/2003, thừa đất trên được Nhà nước cấp GCNQSD đất số P-670962 diện tích 1.520m² trong đó đất ở là 300m². Nay UBND huyện V thu hồi GCNQSD đất của gia đình bà T do thiếu các giấy tờ về thừa kế, tặng cho nhà ở, đất ở là không thỏa đáng và không có cơ sở, đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và Kết luận số 132/KL-UBND ngày 4/7/2016 của UBND huyện V.

Nay, bà đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện V.

** Người bị kiện là UBND huyện V trình bày:*

Tháng 01/2016, UBND huyện V nhận được đơn tố cáo của công dân có nội dung tố cáo UBND xã S năm 2003 thiết lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 03, diện tích 1,520m² tại thôn K, xã S không đúng quy định của pháp luật. Ngày 19/1/2016, UBND huyện ban hành quyết định số 101/QĐ-UBND về việc thụ lý giải quyết tố cáo và thành lập đoàn xác minh tố cáo. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thu thập được và báo cáo số 01/BC-ĐXM ngày 20/6/2016, UBND huyện ban hành Kết luận số 132/KL-UBND ngày 4/7/2016 của UBND huyện V về việc kết luận nội dung tố cáo của công dân đối với UBND xã S. Xét Tờ trình số 68/TTr-TM&MT ngày 27/7/2016 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V đề nghị thu hồi GCNQSD đất thổ cư của hộ bà Phạm Thị T, ngày 10/10/2016 UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 1748/QĐ-UBND. Việc ban hành Quyết định số 1748 ngày 10/10/2016 của UBND huyện V là đúng trình tự, thủ tục, đúng theo quy định của pháp luật. UBND huyện

V giữ nguyên Quyết định số 1748 ngày 10/10/2016 về việc thu hồi GCNQSD đất thổ cư của hộ bà Phạm Thị T và xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã S trình bày:

Năm 2003, UBND xã S phối hợp cùng với Phòng TN&MT huyện V tổ chức cho các hộ gia đình trên địa bàn 05 thôn của xã kê khai và làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất thổ cư trong đó có đơn xin đăng ký cấp GCNQS đất thổ cư của hộ bà Phạm Thị T. Nguồn gốc thửa đất của bà T xin đăng ký cấp GCNQSD đất là của ông Nguyễn Danh C (mất năm 1987) và bà Ngô Thị C1 (mất năm 1990) là bố mẹ chồng của bà T, thửa đất sử dụng từ năm 1960.

Bản đồ 299TTg đo đạc, can vẽ ngày 20/11/1985; bản đồ số 03, thửa số 242 diện tích 1.520m² đứng tên ông Nguyễn Minh M; ghi tại sổ dã ngoại tên Mẫn (ông M là chồng bà T, con đẻ của ông C bà C1).

Sổ bộ thuê sử dụng đất nông nghiệp lập năm 1994 thiết lập thể hiện ông Nguyễn Minh M là chủ sử dụng đất.

Ngày 5/4/2003, Hội đồng đăng ký đất xã tổ chức xét duyệt đơn đăng ký cấp GCNQSD đất của các hộ gia đình trong đó có hộ bà T theo Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998 và năm 2001, Thông tư số 1990 năm 2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất.

UBND xã S đã thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất kể từ ngày 5/4/2003 và niêm yết công khai tại trụ sở hội trường thôn, xã, văn phòng HTX NN hồ sơ đăng ký đất và trả kết quả xét duyệt đơn đăng ký trong thời hạn 15 ngày. Ngày 20/4/2003, Hội đồng đăng ký xã S kết thúc việc công khai hồ sơ đăng ký, trong thời gian trên Hội đồng đăng ký đất xã không nhận được đơn khiếu nại về quyền của sử dụng đất của hộ bà T,

UBND xã đã lập tờ trình số 14/TT-UBND ngày 6/4/2003 xin cấp GCNQSD đất cho 709 hộ trong đó có hộ bà T tại tờ bản đồ số 3, thửa số 242 diện tích 1.520m², trong đó đất ở là 300m², đất vườn là 1.220m². Ngày 12/11/2003, UBND huyện V đã ban hành quyết định số 2340 về việc cấp GCNQSD đất cho các hộ dân trong đó có hộ bà T.

Sau khi có đơn tố cáo của công dân, qua kiểm tra hồ sơ, UBND xã S thấy: Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất cho hộ bà T, biên bản xét duyệt cấp GCNQSD đất ngày 4/4/2003 có nêu nguồn gốc đất của hộ bà T là do cha ông để lại, kiểm tra hồ sơ lưu trữ cấp giấy thì không có các giấy tờ hay văn bản nào chứng minh bà T được nhận tặng cho hay thừa kế đất ở từ cha ông để lại. Việc Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSD đất xã S chưa xác định rõ nguồn gốc thửa đất, các giấy tờ về thừa kế, tặng cho, di chúc còn thiếu theo quy định hướng dẫn tại Thông tư số 1990 ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính nên dẫn đến chưa đầy đủ về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc ban hành quyết định số 1748 ngày 10/10/2016 của UBND huyện V là đúng trình tự, thủ tục, đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên quyết định số 1748 ngày 10/10/2016 của UBND huyện V.

- Các ông, bà: Nguyễn Minh M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Nhân thống nhất trình bày: Diện tích đất trong GCNQSD đất số P- 670962 do UBND huyện V cấp ngày 12/11/2003 mang tên bà T tại thửa số 242 tờ bản đồ số 3 diện tích 1.520m² là đất của bố mẹ ông bà là ông Nguyễn Danh C và bà Ngô Thị C1 được cấp trước khi bà T về làm dâu. Bố mẹ ông bà mất đi không để lại di chúc. UBND huyện V cấp GCNQSD đất trên cho bà T là không đúng vì bà T chỉ là con dâu, chưa có ý kiến của các ông bà. Các ông bà có đơn đề nghị UBND huyện V xem xét việc cấp GGCNQSD đất cho bà T là không đúng. Sau đó UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi lại GCNQSD đất của bà T, ông bà nhất trí với các quyết định của UBND huyện V đã giải quyết tại Quyết định số 1280 ngày 27/7/2016 và Quyết định số 1748 ngày 10/10/2016.

- Các ông, bà: Nguyễn Khắc Ch, Hoàng Hưng, Nguyễn Thị Minh Hương, Nguyễn Thị Minh H1, Nguyễn Thị Minh Hồng thống nhất trình bày: Nhất trí với việc khởi kiện UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSD đất của bà T. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho gia đình các ông, bà và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trình bày: Văn phòng đăng ký đất đai huyện V ban hành văn bản số 96/TB-CNVĐK ngày 03/8/2016 thông báo việc thu hồi GCNQSD đất số P670962 do UBND huyện V cấp ngày 12/11/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị T và Văn bản số 860/CNVPĐK ngày 17/10/2016 theo đúng quy định tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện V và điểm d khoản 4 điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Trường hợp bà T khiếu nại Quyết định hành chính thì trong quá trình giải quyết khiếu nại nếu không có Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính thì bà T vẫn phải thực hiện nghĩa vụ là chấp hành quyết định hành chính mà bà khiếu nại theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 12 Luật khiếu nại năm 2011.

Các văn bản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện V liên quan đến Giấy chứng nhận bị thu hồi của bà Phạm Thị T đều đảm bảo việc chấp hành, thực hiện Quyết định thu hồi GCN của UBND huyện V và các căn cứ, quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Tòa án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các tổ chức, cá nhân có liên quan đều phải có trách nhiệm thi hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định:

Căn cứ điều 30, điểm a khoản 2 điều 116, điều 158; điểm a khoản 2 điều 193, các điều 194, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ Luật đất đai 2013, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện V, Hà Nội về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Phạm Thị T.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, người khởi kiện là bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị T (vắng mặt) và theo đơn đề nghị bà giữ nguyên trình bày tại Tòa án từ trước tới nay và cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: UBND huyện V ban hành các Văn bản và các Quyết định liên quan đến hộ bà T là có vi phạm pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót, vi phạm về tố tụng và về áp dụng pháp luật; không xem xét sự gian dối của bà Nhân và UBND huyện V. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T là kê khai theo mẫu và việc ghi “Mục nguồn gốc sử dụng đất: ông cha để lại” là do xã hướng dẫn chung cho các hộ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T hủy bỏ toàn bộ các Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 và Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện V, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Nhân, ông Nguyễn Minh M trình bày thống nhất như nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích tại thửa số 242 tờ bản đồ số 3 diện tích 1.520m² là đất của bố mẹ ông bà là cụ Nguyễn Danh C (chết năm 1987) và cụ Ngô Thị C1 (chết năm 1990) được cấp trước khi bà T về làm dâu. Năm 2003, hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận cho hộ bà T không được các đồng thừa kế của các cụ Càng và Cúc đồng ý và không có tài liệu, giấy tờ gì chứng minh các cụ tặng, di chúc cho các giấy tờ gì khác. Do đó, UBND huyện V đã ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà T là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 và Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện V, Hà Nội là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bà T cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và xác định tư cách những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà T vắng mặt. Tuy nhiên, bà có đơn xin xét xử vắng mặt; cũng như những người tham gia tố tụng khác xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xem xét xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Ngày 12/11/2003, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 2340/QĐ- UBND về việc cấp GCNQSD đất cho 195 hộ gia đình và cá nhân xã S (trong đó có hộ gia đình bà Phạm Thị T) theo tờ trình số 14/TT-UBND ngày 6/4/2003 của UBND xã S và Tờ trình số 248/TT ngày 27/10/2003 của Phòng Địa chính huyện V về việc xin cấp GCNQSD thổ cư cho 195 hộ gia đình, cá nhân xã S.

Tháng 01/2016, UBND huyện V nhận được đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Nhân đề ngày 06/01/2016 có nội dung tố cáo UBND xã S thiết lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho bà Phạm Thị T năm 2003 không đúng quy định của pháp luật vì thời điểm xét duyệt cấp GCN quyền sử dụng đất không có các giấy tờ về thừa kế, tặng, cho nhà ở của cụ Nguyễn Danh C và cụ Ngô Thị C1. Quá trình giải quyết, UBND huyện V đã thành lập đoàn xác minh và ngày 04/7/2016, UBND huyện V đã ban hành Kết luận số 132/KL-UBND. Căn cứ Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thi hành luật đất đai, Kết luận số 132 ngày 4/7/2016 và tờ trình của thanh tra huyện V; UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị T. Ngày 10/10/2016, UBND

huyện V đã ban hành Quyết định số 1748/QĐ-UBND có nội dung thay thế Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016. Sở dĩ có việc thay thế này do Chủ tịch UBND huyện V không có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi GCNQSD đất trong khi UBND huyện V là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì việc thu hồi giấy chứng nhận phải do UBND thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 106 luật Đất đai. Vì vậy, UBND huyện V đã phát hiện kịp thời và có sự thay thế trên nên bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1280/QĐ- UBND ngày 27/7/2016 không được chấp nhận. Tại điều 2 Quyết định số 1748/QĐ- UBND giao UBND xã S và Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện V hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân thiết lập hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với thửa đất trên sau khi có sự thỏa thuận, thống nhất về quyền, nghĩa vụ liên quan giữa các con của ông Nguyễn Danh C và bà Ngô Thị C1; về nội dung này, bà T cho rằng đây là tranh chấp dân sự nên giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai theo trình tự tố tụng dân sự tại Tòa án là không đúng quy định pháp luật cũng như mâu thuẫn với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Như vậy, việc ban hành Quyết định 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện V, Hà Nội là đúng thẩm quyền đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[2.2] Xét nội dung, yêu cầu của người khởi kiện:

Về nguồn gốc đất: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự thì thửa đất số 242 tờ bản đồ số 03 diện tích 1.520m² tại thôn K, xã S là của cụ Nguyễn Danh C và cụ Ngô Thị C1 sử dụng từ năm 1960. Cụ Cang, cụ Cúc có 6 người con gồm các ông, bà: Mẫn, Mận, Tuệ, Nhài, Xuyên và Nhàn. Cụ Cang mất năm 1987, cụ Cúc mất năm 1990 không để lại di chúc. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất thổ cư ngày 13/12/2014, biên bản làm việc ngày 22/7/2014 của UBND xã S; Biên bản làm việc ngày 4/4/2016 của Thanh tra huyện V, bà T có trình bày thửa đất số 242 tờ bản đồ số 03 diện tích 1520m² cụ Nguyễn Danh C (bố chồng) và cụ Ngô Thị C1 (mẹ chồng) cho sử dụng từ năm 1981 (cho bằng miệng không có giấy tờ). Trong Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai xã S ngày 4/4/2003 thể hiện: “hộ ông bà Phạm Thị T, Mục nguồn gốc sử dụng đất: ông cha để lại”. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T cũng khẳng định khi bà lấy ông M thì đã có diện tích đất trên ở từ những năm 1960, trên đất có 01 ngôi nhà và bố mẹ chồng bà là cụ Cang, cụ Cúc đã cho vợ chồng bà bằng miệng, không có giấy tờ.

Năm 2003, UBND xã S đã cho các hộ gia đình trên địa bàn xã kê khai và làm đơn xin cấp GCNQSD đất thổ cư (trong đó có hộ gia đình bà Phạm Thị T). Trong quá trình xét duyệt, UBND xã S đã không kiểm tra, xác minh về nguồn gốc đất mà chỉ căn cứ vào Bản đồ 299 năm 1985 và sổ đỏ ngoại năm 1986 của S thể hiện đứng tên ông Nguyễn Minh M (chồng bà T) và sổ hộ khẩu của gia đình bà T để làm thủ tục trình UBND huyện V cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà T là sai quy định. Do vậy, bà T cho rằng việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà là phù hợp với quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án

đã tiến hành thẩm định thực trạng sử dụng đất của hộ gia đình bà T, diện tích sử dụng thực tế chỉ còn 1504m² là biến động giảm so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Từ nhận định trên, căn cứ Luật đất đai 2003, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện V, Hà Nội về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Phạm Thị T là không có cơ sở chấp nhận là có căn cứ.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm phía bà T cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T và cần thiết phải giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và cũng phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[2.5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi. Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Phạm Thị T theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 khoản Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HCST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS CC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

